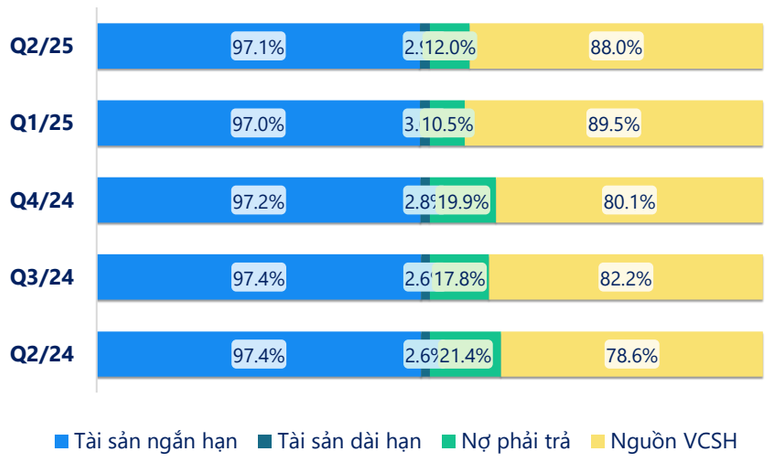
FireAnt

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,615
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,300
SL cổ phiếu LH	121,979,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,190,205
% sở hữu nước ngoài	11.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,238
P/E	-61.2
EPS	-300

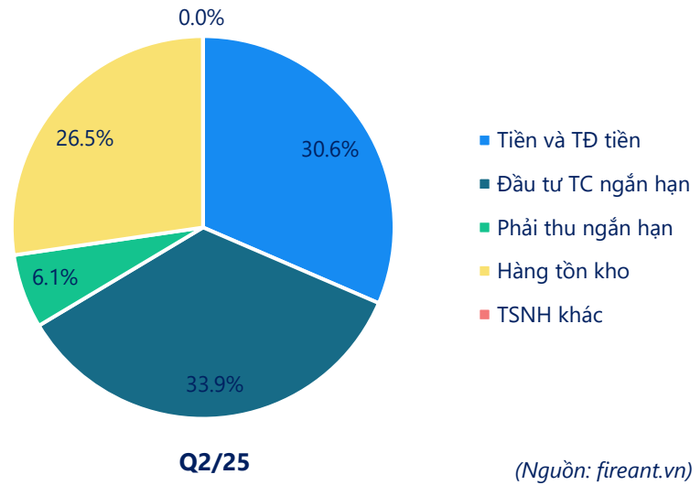
	YTD	1T	3T	6T
NTL	-0.3%	1.9%	11.2%	-3.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



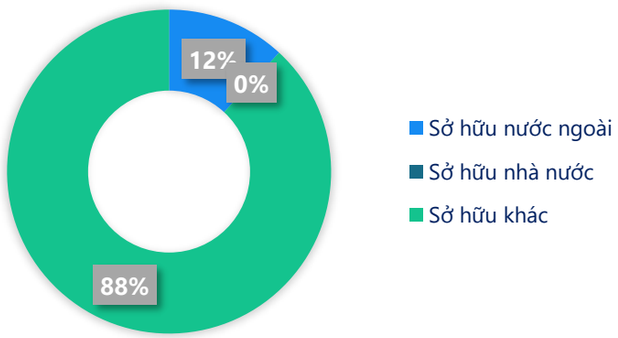
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



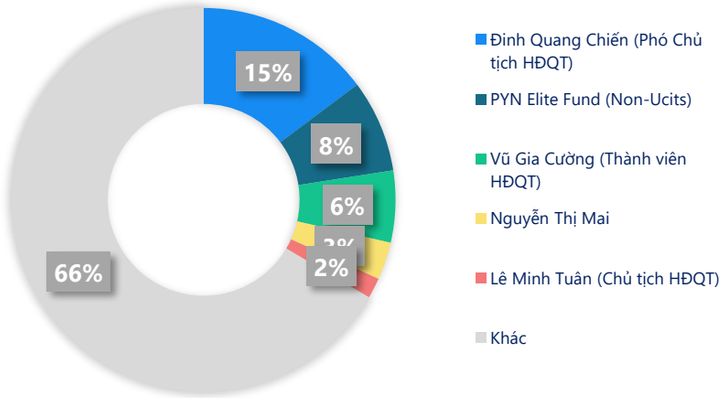
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



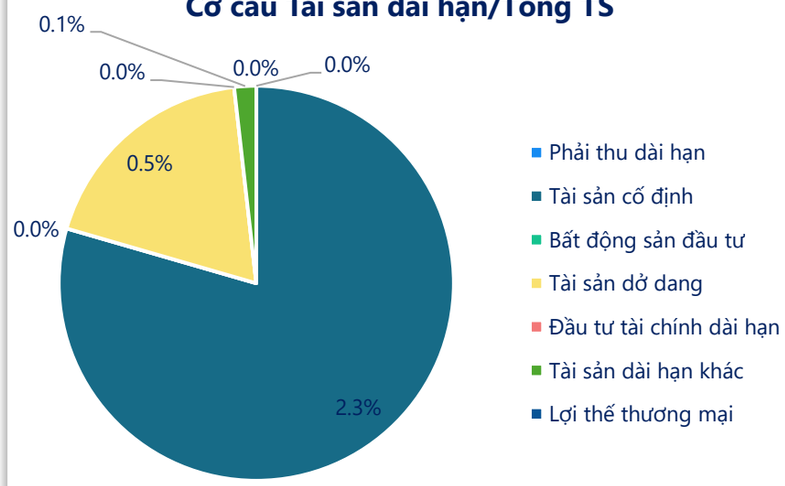
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

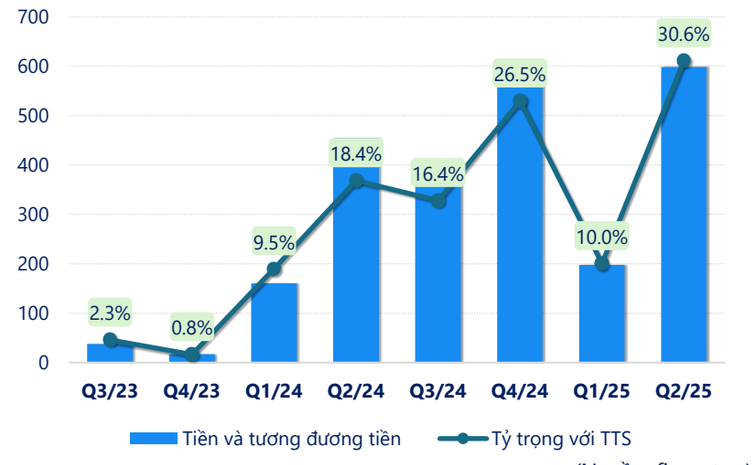


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

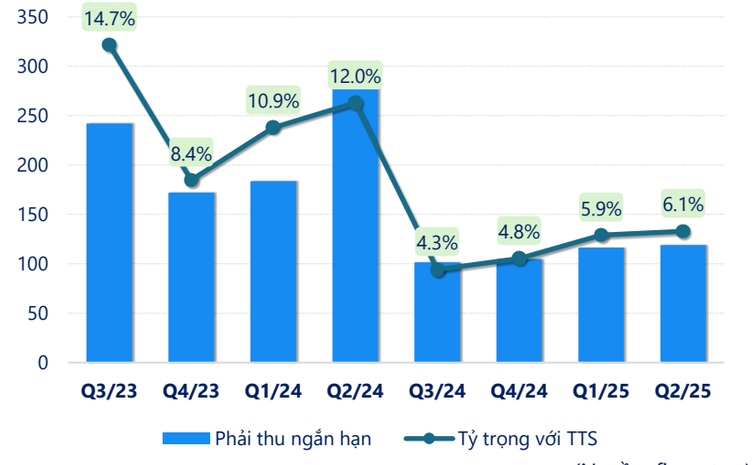
CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)

Tiền và tương đương tiền



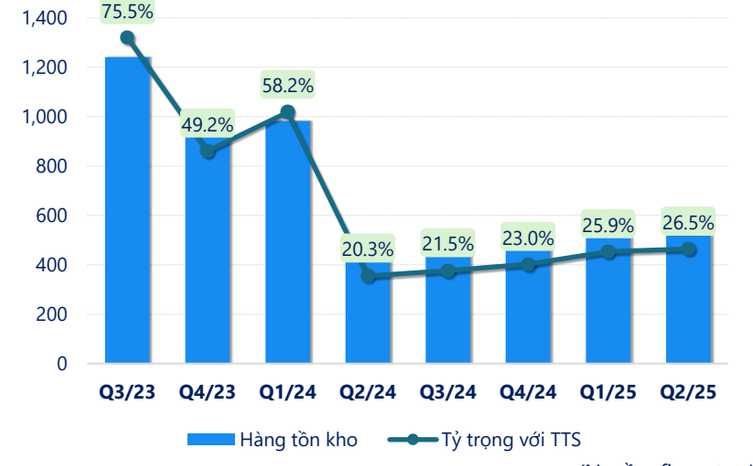
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



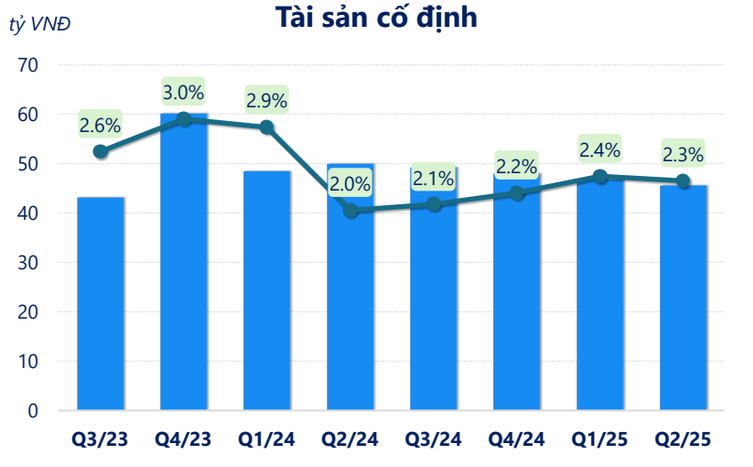
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



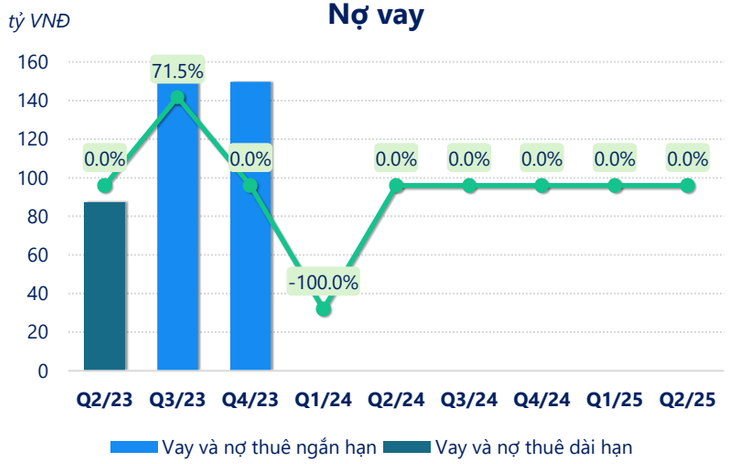
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



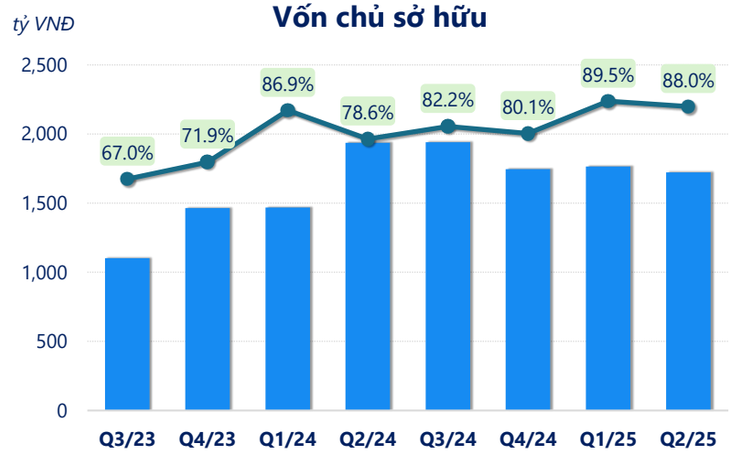
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

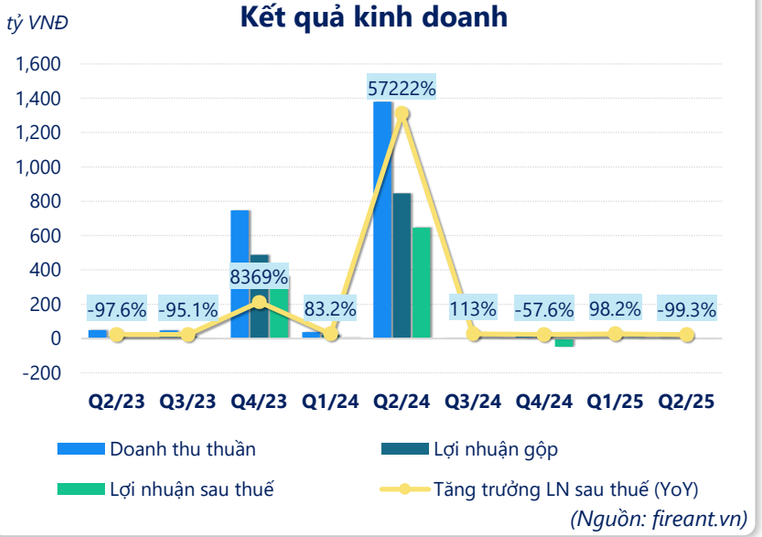


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

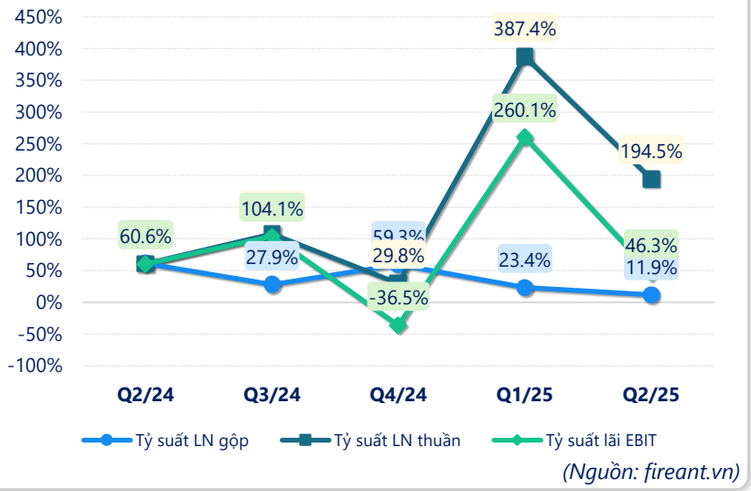
CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)

Kết quả kinh doanh



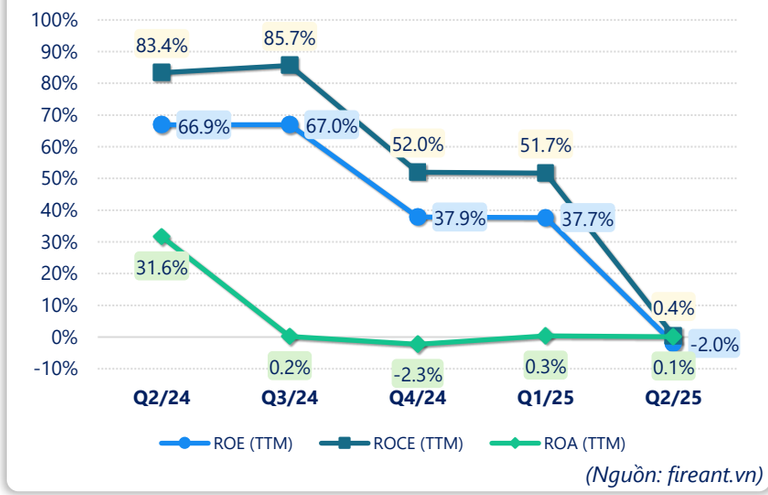
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



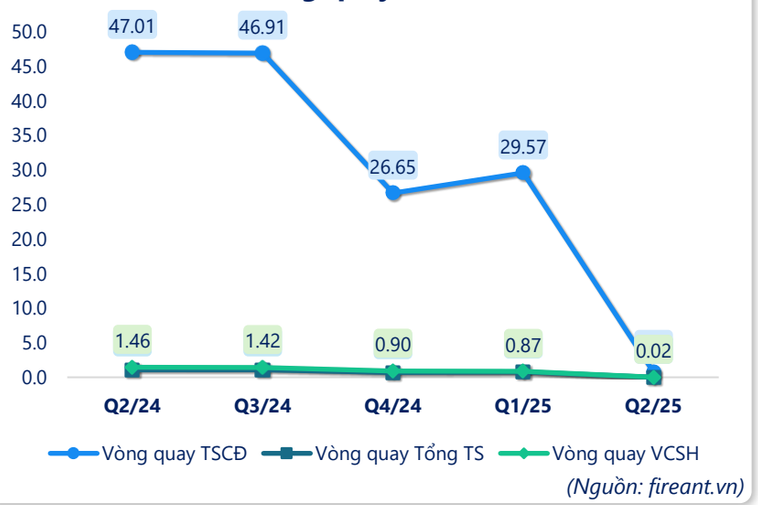
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



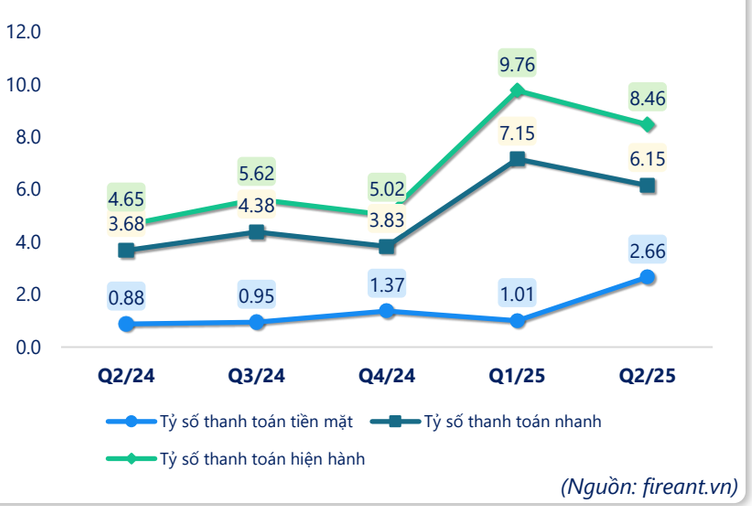
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



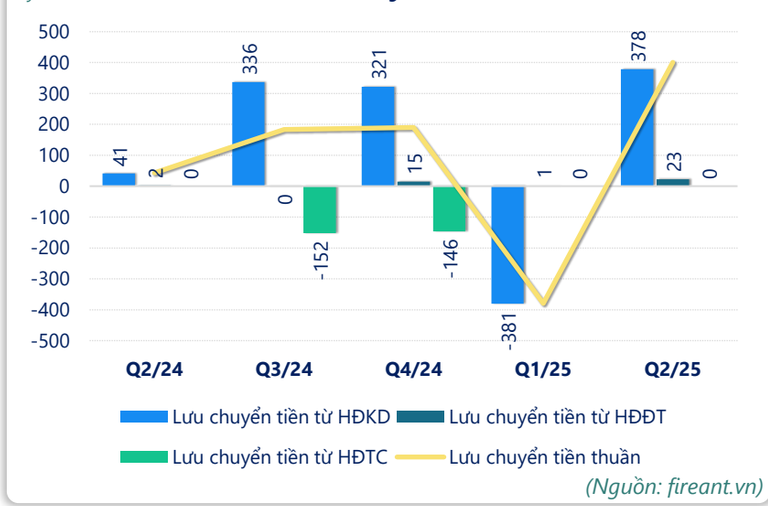
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,958**	**2,178**	**-10.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,900	2,118	-10.3%
Tiền và tương đương tiền	598	577	3.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	664	935	-29.0%
Phải thu ngắn hạn	119	105	13.5%
Hàng tồn kho	519	500	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.63	-69.9%
Tài sản dài hạn	**57.3**	**60.3**	**-4.9%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	45.5	48.0	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	10.7	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.03**	**1.54**	**-33.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	235	420	-44.0%
Nợ ngắn hạn	**225**	**409**	**-45.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.24	5.30	-57.7%
Nợ dài hạn	10.9	10.9	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,722**	**1,758**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,722**	**1,758**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	1,220	1,220	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,380	3.76	21.3	3.48	6.14
Giá vốn hàng bán	534	2.71	8.65	2.67	5.41
Lợi nhuận gộp	846	1.05	12.6	0.81	0.73
Doanh thu HĐTC	8.04	15.3	20.1	13.0	20.9
Chi phí TC	0	0.13	11.1	-10.6	-0.41
Chi phí lãi vay	-1.50	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.34	0.01	0.17	0.09	0.00
Chi phí QLDN	16.0	12.2	15.1	10.8	10.0
LN thuần từ HĐKD	837	4.05	6.33	13.5	11.9
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.14	-14.1	-4.43	-9.10
LN trước thuế	837	3.92	-7.75	9.05	2.85
Lợi nhuận sau thuế	647	3.58	-48.0	6.35	1.45
LNST của CĐ cty mẹ	647	3.58	-48.0	6.35	1.45

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.8	336	321	-381	378
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.39	-0.31	14.7	1.05	22.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-152	-146	0	0
Tiền đầu kỳ	161	204	387	577	198
Lưu chuyển tiền thuần	**43.2**	**184**	**190**	**-380**	**401**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	204	387	577	198	598

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic